

Bản án số: 09/2024/DS-PT
Ngày 17-01-2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng thuê
quyền sử dụng đất và yêu cầu mở lối
đi trên bất động sản liền kề”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Chương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Anh Ứng và ông Lương Đức Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Diễm My là Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Thị Mừng – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2023/TLPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và yêu cầu mở lối đi trên bất động sản liền kề”, do Bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2023/DS-ST ngày 20-9-2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R’Lấp, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 97/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 213/2023/QĐ-PT ngày 29 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đinh Thị Kim A, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn K, huyện R, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Văn L; địa chỉ: Văn phòng luật sư T, đường Nguyễn An N, quận H, Thành phố Hà Nội – Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lương Thị T, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn L, xã U, huyện R, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Tấn T, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn L, xã U, huyện R, tỉnh Đắk Nông – Có đơn vắng mặt;

- Chị Nguyễn Thị Ngọc V, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn L, xã U, huyện R, tỉnh Đắk Nông – Có đơn vắng mặt;

- Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn L, xã U, huyện R, tỉnh Đắk Nông – Có đơn vắng mặt;

- Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1990; địa chỉ: Đường HT, khu phố B, phường H, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh – Có đơn vắng mặt;
- Ông Trần Văn B, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn K, huyện R, tỉnh Đắk Nông – Có mặt;
- Viễn thông Đ; địa chỉ: Đường Huỳnh Thúc K, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn B, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn K, huyện R, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Lương Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 02-12-2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đinh Thị Kim Anh trình bày:

Ngày 21/9/2014, ông Trần Văn B và bà Đinh Thị Kim A đến thỏa thuận với bà Lương Thị T và chồng bà T là ông Nguyễn Tấn L mua diện tích 360m² đất (rộng 18m, dài 20m), tại thửa đất số 200, tờ bản đồ số 9, trong tổng diện tích 15.780m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) số AP 767938, Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND huyện R cấp ngày 03/8/2009 đứng tên hộ bà Lương Thị T, đất tọa lạc tại: Thôn L, xã U, huyện R, tỉnh Đắk Nông với giá 30.000.000 đồng, ông B, bà A đặt cọc 4.000.000 đồng, số tiền còn lại sau khi bà T làm xong thủ tục giấy tờ sang tên quyền sử dụng đất cho bà A thì bà A phải giao đủ số tiền còn lại 26.000.000 đồng, nhưng do diện tích không đủ để tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Ủy ban nhân dân xã R không xác nhận.

Ngày 28/12/2014, ông Nguyễn Tấn L mất. Ngày 07/02/2015, bà Đinh Thị Kim A và bà Lương Thị T làm lại hợp đồng chuyển nhượng diện tích đất 360m² (rộng 18m dài 20m), tại thửa đất số 200, tờ bản đồ số 9 với giá 30.000.000 đồng. Đất có tứ cận: Phía Nam giáp đất bà Trương Thị Kim Ch, Phía Tây giáp đường 3m, phía Bắc giáp rẫy bà Lương Thị T. Hai bên thống nhất đã đưa đủ số tiền trên. Bên bán phải có trách nhiệm làm thủ tục giấy tờ để bên mua sang nhượng đất.

Ngày 09/02/2015, giữa bà Đinh Thị Kim A với bà Lương Thị T, anh Nguyễn Tấn T, chị Nguyễn Thị Ngọc V, chị Nguyễn Thị Kim L ký hợp đồng thuê đất, theo hợp đồng thì bà A thuê 360m² đất tại thửa đất số 200, tờ bản đồ số 9, thời gian thuê 30 năm tính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 01/01/2045, giá thuê là 31.000.000 đồng cho cả thời gian thuê, hợp đồng thuê đất được UBND xã R chứng thực. Theo thỏa thuận tại Điều 1 của hợp đồng thì bên cho thuê hộ bà Lương Thị T có trách nhiệm tạo điều kiện cho bên thuê đất có con đường vào thửa đất cho thuê để chở vật liệu trong quá trình thi công công trình thu phát sóng thông tin di động và sử dụng vận hành công trình sau này.

Ngày 01/6/2015, giữa đại diện chủ đầu tư là Viễn thông Đ, Trung tâm Viễn thông R - R, đại diện nhà thầu là Công ty cổ phần đầu tư xây dựng C, bà Đinh Thị Kim A, bà Lương Thị T lập biên bản bàn giao mặt bằng thi công số 01/BBGNMB, diện tích 450m² (22,5mx20m), nằm trong khuôn viên đất của của chủ hộ bà Lương Thị T.

Tuy nhiên, thời gian gần đây bên cho thuê đất hộ bà Lương Thị T không cho bên thuê đất sử dụng con đường vào đất thuê dẫn đến việc tu sửa, vận hành

công trình tiếp sóng di động trên đất thuê phải đình trệ gây thiệt hại về kinh tế cho cả hệ thống viễn thông.

Bà Đinh Thị Kim A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc hộ bà Lương Thị T phải tiếp tục thực hiện hợp đồng, tạo điều kiện cho bên thuê đất có con đường vào thửa đất thuê đúng như cam kết trong hợp đồng đã ký.

2. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lương Thị T trình bày:

Ngày 21/9/2014, ông Trần Văn B và bà Đinh Thị Kim A mua của bà Lương Thị T và ông Nguyễn Tấn L 01 thửa đất có diện tích đất 360m² (rộng 18m, dài 20m), tại thửa đất số 200, tờ bản đồ số 9, trong tổng diện tích 15.780m², GCNQSDĐ số AP 767938, UBND huyện R cấp ngày 03/8/2009 đứng tên hộ bà Lương Thị T với giá 30.000.000 đồng, ông B và bà A đặt cọc 4.000.000 đồng, số tiền còn lại sau khi bà T làm xong thủ tục giấy tờ sang tên quyền sử dụng đất cho bà A thì bà A phải giao đủ số tiền còn lại 26.000.000 đồng nhưng do diện tích không đủ tách GCNQSDĐ nên UBND xã R không xác nhận.

Ngày 28/12/2014, ông Nguyễn Tấn L mất. Ngày 07/02/2015, bà Đinh Thị Kim A và bà Lương Thị T làm lại hợp đồng sang nhượng thửa đất diện tích đất 360m² (rộng 18m dài 20m), tại thửa đất số 200, tờ bản đồ số 9 với giá 30.000.000 đồng. Hai bên thống nhất đã đưa đủ số tiền trên. Bên bán phải có trách nhiệm làm thủ tục giấy tờ để bên mua sang nhượng đất. Bà T thừa nhận chữ ký của mình trong các giấy trên nhưng mới nhận tiền cọc số tiền 4.000.000 đồng ngày 21/9/2014 và chưa nhận số tiền 26.000.000 đồng còn lại.

Ngày 09/02/2015, giữa bà Đinh Thị Kim A với bà Lương Thị T, anh Nguyễn Tấn T, chị Nguyễn Thị Ngọc V, chị Nguyễn Thị Kim L ký hợp đồng thuê đất, theo hợp đồng thì bà Kim A thuê 360m² đất tại thửa đất số 200, tờ bản đồ số 9, thời gian thuê 30 năm tính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 01/01/2045, giá thuê là 31.000.000 đồng cho cả thời gian thuê, hợp đồng thuê đất được UBND xã R chứng thực. Bà T thừa nhận có ký hợp đồng này.

Bà Lương Thị T xác định có sang nhượng đất cho ông Trần Văn B và bà Đinh Thị Kim A diện tích 360m² (ngang 18m, dài 20m), đường đi là cho đi nhờ để chở vật liệu làm công trình chứ không cho đường đi lâu dài. Ông B và bà A chưa trả đủ tiền. Chữ ký Nguyễn Thị Kim L không phải chữ ký của con bà T mà do bà A tự ký. Bà T không cho phía bà A và ông B cũng như Viễn thông tự ý đi qua rẫy của gia đình bà T. Bà T không cho thuê đất 30 năm, hợp đồng thuê ghi thời gian thuê 30 năm là do bà A và ông B tự ghi vào bà T không biết nên ký. Bà T yêu cầu giải quyết theo giấy mua bán ngày 21/9/2014.

Bà Đinh Thị Kim A yêu cầu hộ bà Lương Thị T phải tiếp tục thực hiện hợp đồng, tạo điều kiện cho bên thuê đất có con đường vào thửa đất thuê đúng như cam kết trong hợp đồng đã ký thì bà T không đồng ý.

3. Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tấn T, chị Nguyễn Thị Ngọc V: Anh T, chị V là con của ông Nguyễn Tấn L và bà Lương Thị T, hợp đồng thuê đất giữa bà Đinh Thị Kim A với mẹ là bà T như thế nào thì không biết, bà A có đưa hợp đồng và có ký nhưng không biết gì về nội dung.

4. Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị

Nguyễn Thị Kim L, chị Nguyễn Thị Th trình bày: Chị L, chị Th là con của ông Nguyễn Tấn L và bà Lương Thị T, hợp đồng thuê đất giữa bà Đinh Thị Kim A với bà T như thế nào thì không biết, không ký hợp đồng.

5. *Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn B trình bày:* Ngày 09/12/2015, bên cho thuê đất bà Lương Thị T, ông Nguyễn Tấn L, anh Nguyễn Tấn T, chị Nguyễn Thị Ngọc V, chị Nguyễn Thị Kim L và bên thuê đất bà Đinh Thị Kim A có ký hợp đồng thuê đất diện tích 360m², tại thửa đất số 200, tờ bản đồ số 9, thời hạn thuê là 30 năm tính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 01/01/2045, hợp đồng có chứng thực của UBND xã R. Theo thỏa thuận tại Điều 1 của hợp đồng thì bà T phải có trách nhiệm tạo điều kiện cho bên thuê con đường vào thửa đất thuê để chở vật liệu trong quá trình thi công công trình và sử dụng vận hành công trình sau này nhưng bà T không thực hiện nên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải tiếp tục thực hiện hợp đồng, tạo điều kiện cho bên thuê có con đường vào đất thuê như hợp đồng đã ký nên yêu cầu bà T phải tiếp tục thực hiện hợp đồng, tạo điều kiện cho bên thuê có con đường vào đất thuê như hợp đồng đã ký.

6. *Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Viễn thông Đ, người đại diện ủy quyền ông Trần Văn B trình bày:* Ngày 09/12/2015, bên cho thuê đất bà Lương Thị T, ông Nguyễn Tấn L, anh Nguyễn Tấn T, chị Nguyễn Thị Ngọc V, chị Nguyễn Thị Kim L và bên thuê đất bà Đinh Thị Kim A có ký hợp đồng thuê đất diện tích 360m², tại thửa đất số 200, tờ bản đồ số 9, thời hạn thuê là 30 năm tính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 01/01/2045, hợp đồng có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã R.

Căn cứ hợp đồng số 071/2016/HĐ-VNPT-DNo ngày 05/01/2016 của Viễn thông Đ với bà Đinh Thị Kim A cho thuê mặt bằng xây dựng trạm phát sóng BTS Vinaphone tại thôn L, xã U, huyện R, tỉnh Đắk Nông. Để bảo đảm nguồn điện DC dự phòng cho các thiết bị 2G, 3G, 4G tại trạm BTS Vinaphone hoạt động 24/24 đảm bảo thông tin liên lạc. Ngày 12/8/2021, Trung tâm điều hành thông tin - Viễn thông Đ phối hợp với đã phối hợp Trung tâm Viễn thông R - R đến kiểm tra nhưng hộ bà Lương Thị T cản trở hăm dọa và yêu cầu phải đưa 10.000.000 đồng thì mới được lên trạm. Trung tâm đã đề nghị bà T tạo điều kiện có con đường đi vào trạm theo như hợp đồng thuê đất ngày 09/02/2015 nhưng mỗi lần thỏa thuận bà T đều yêu cầu phải đưa 3.000.000 đồng.

Ngày 04/01/2021, Nhân viên Viễn thông đến kiểm tra, sửa chữa nhưng bà Lương Thị T tiếp tục cản trở và yêu cầu đưa từ 50.000.000 đến 200.000.000 đồng mới cho vào trạm dẫn đến thiệt hại cho Viễn thông Đ làm gián đoạn, tê liệt ngưng trệ phát sóng mạng Viễn thông từ ngày 03/01/2021 đến nay.

Theo thỏa thuận tại Điều 1 của hợp đồng thì bà Lương Thị T phải có trách nhiệm tạo điều kiện cho bên thuê con đường vào thửa đất thuê để chở vật liệu trong quá trình thi công công trình và sử dụng vận hành công trình sau này nhưng bà T không thực hiện nên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải tiếp tục thực hiện hợp đồng, tạo điều kiện cho bên thuê có con đường vào đất thuê như hợp đồng đã ký.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2023/DS-ST ngày 20-9-2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản

1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 95, 147, 157, 165, 266, 269, 271, 273, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 245, 254 của Bộ luật Dân sự; Điều 188, 203 của Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Kim A đối với bị đơn bà Lương Thị T. Buộc bà Lương Thị T, anh Nguyễn Tấn T, chị Nguyễn Thị Ngọc V, chị Nguyễn Thị Kim L và chị Nguyễn Thị Th tiếp tục thực hiện hợp đồng thuê quyền sử dụng đất xác lập ngày 09/02/2015 với bà Đinh Thị Kim A. Buộc bà Lương Thị T, anh Nguyễn Tấn T, chị Nguyễn Thị Ngọc V, chị Nguyễn Thị Kim L và chị Nguyễn Thị Th phải mở lối đi trên bất động sản liền kề cho bà Đinh Thị Kim A có diện tích đất là 42m², trên thửa đất số 200, tờ bản đồ số 9, trong tổng diện tích đất 15.780m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 767938, Ủy ban nhân huyện R cấp ngày 03/8/2009 đứng tên hộ bà Lương Thị T, đất tọa lạc tại thôn L, xã U, huyện R, tỉnh Đắk Nông, đường đi có tứ cận: Phía Bắc giáp đất bà Lương Thị T dài 42m; phía Nam giáp đường đất dài 42m, phía Tây giáp đất bà Lương Thị T rộng 1m, phía Đông giáp phần đất bà Lương Thị T, anh Nguyễn Tấn T, chị Nguyễn Thị Ngọc V, chị Nguyễn Thị Kim L và chị Nguyễn Thị Th cho bà Đinh Thị Kim A thuê rộng 1m, theo hợp đồng thuê quyền sử dụng đất xác lập ngày 09/02/2015, thời gian 30 năm tính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 01/01/2045.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 28-9-2023, Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông nhận được đơn kháng cáo của bị đơn bà Lương Thị T, nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà phúc thẩm, bà Lương Thị T thừa nhận giữa bà và bà Đinh Thị Kim A chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng không thành nên chuyển qua cho thuê đất, tuy nhiên bà Kim A vẫn chưa đưa đủ tiền cho bà nên bà không đồng ý cho thuê đất nữa, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết. Bà Đinh Thị Kim A khai đã giao đủ tiền cho bà T là 30.000.000 đồng và cho thêm 1.000.000 đồng, đề nghị bà T phải tiếp tục thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng thuê và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ông Trần Văn B khai việc bà T ngăn chặn không cho cán bộ kỹ thuật của Viễn thông Đ vào trạm sửa chữa đã gây thiệt hại nặng nề cho Viễn thông Đ, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bác kháng cáo của bà Lương Thị T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2023/DS-ST ngày 20-9-2023 của Toà án nhân dân huyện Đắk R'Lấp.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến các đương sự, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về đơn kháng cáo: Bản án sơ thẩm xét xử ngày 20-9-2023, bị đơn có mặt tại phiên tòa sơ thẩm; ngày 28-9-2023, Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông nhận được đơn kháng cáo của bị đơn bà Lương Thị T là trong thời hạn kháng cáo theo quy định pháp luật; bị đơn đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Do đó, kháng cáo của bị đơn là hợp lệ, thuộc trường hợp Tòa án phúc thẩm xem xét, giải quyết.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông thuộc trường hợp Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông thụ lý, giải quyết.

[3]. Về nội dung kháng cáo, xét thấy: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Kim A “...buộc hộ bà Lương Thị T phải tiếp tục thực hiện cam kết trong hợp đồng: Tạo điều kiện cho bên thuê con đường vào thửa đất theo đúng cam kết của Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất đã ký...” nên Tòa án cấp sơ thẩm quyết định buộc hộ bà Lương Thị T phải mở lối đi trên bất động sản liền kề cho bà Đinh Thị Kim A là vượt quá yêu cầu khởi kiện của bà Kim A. Mặt khác, nếu trường hợp buộc phải mở lối đi trên bất động sản liền kề thì cấp sơ thẩm chưa xác định và buộc nguyên đơn bà Kim A trả cho bị đơn bà T một khoản tiền hợp lý là không đúng quy định. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lương Thị T, hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên bà Lương Thị T không phải chịu án phí phúc thẩm, trả lại cho bà T số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2023/DS-ST ngày 20-9-2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Trả lại cho bà Lương Thị T 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai số: 0000854 ngày 06-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R, tỉnh Đắk Nông.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện R;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, TDS, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Hồng Chương

